

Số/No.: 214/CT-VPTH

Bình Phước, ngày 14 tháng 8 năm 2024

Binh Phuoc, August 14th, 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE OF FINANCIAL STATEMENTS**

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/*The State Securities Commission*;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội/*Hanoi Stock Exchange*.

Thực hiện quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) bán niên năm 2024 đã được soát xét với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau /*Complying with clause 2, 4 Article 14 of Circulars No.96/2020/TT-BTC dated 16/11/2020 of Ministry of Finance about providing guidelines on disclosure of information on securities market, IDICO Srok Phu Mieng Hydropower joint stock Company disclosure information on the reviewed semi-annual financial statements of 2024 with The State Securities Commission and Hanoi Stock Exchange as below:*

1. Tên tổ chức /Name of organization: Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO /*IDICO Srok Phu Mieng Hydropower joint stock Company*.

- Mã chứng khoán/Mã thành viên /*Stock code/Broker code*: ISH.

- Địa chỉ /*Address*: Thôn 7, xã Long Bình, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước /*Village 7, Long Binh Commune, Phu Rieng District, Binh Phuoc Province*.

- Điện thoại liên hệ /*Tel.*: 0271.3731400 - 0271.3731170.

Fax: 0271.3731092.

- E-mail: idicoshp.vpth@gmail.com

Website: www.idico-shp.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

- BCTC bán niên năm 2024 đã được soát xét /*The reviewed semi-annual financial statements of 2024*.

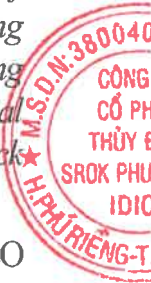
BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán trực thuộc) /*Separated financial statements (Public company without subsidiaries and does not have affiliated accounting units)*;

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con) /*Consolidated financial statements (Public company has subsidiaries)*;

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng) /*General financial statements (Public company has affiliates accounting units with separate accounting apparatus)*.

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân /*Events that need to be explained*:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với



BCTC (đối với BCTC đã được soát xét/kiểm toán) /The auditing organization gives opinions that are not fully acceptable opinions on the financial statements (for reviewed/audited financial statements):

Có /Yes

Không /No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có /Explanation documents, if any:

Có /Yes

Không /No

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được soát xét bán niên năm 2024) /Profit after tax of the reporting period between before and after audit increases/decreases by at least 5%, or changed from a positive number to a negative number or vice versa (for the reviewed semi-annual financial statements of 2024):

Có /Yes

Không /No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có /Explanation documents, if any:

Có /Yes

Không /No

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước /Profit after tax in the income statement of the reporting period increases/decreases by at least 10% compared to that of the same reporting period in the previous year:

Có /Yes

Không /No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có /Explanation documents, if any:

Có /Yes

Không /No

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại /Profit after tax of the reporting period is negative, year over year profit is changed from a positive number to a negative number or vice versa:

Có /Yes

Không /No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có /Explanation documents, if any:

Có /Yes

Không /No

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 14/8/2024 tại đường dẫn www.idico-shp.com.vn /This information was published on the company's website on 14/8/2024, as in the link www.idico-shp.com.vn

Đại diện tổ chức /Organization representative
Người đại diện theo pháp luật /Legal representative

Nơi nhận /Recipients: *TKK*

- Như trên /As above;
- Website Công ty /Company's website;
- Lưu/Archives: VPTH.



Trương Thanh Bình
Giám đốc /Director

Tài liệu đính kèm /Attached documents:

- BCTC bán niên năm 2024 đã được soát xét /The reviewed semi-annual financial statements of 2024;
- Văn bản giải trình về lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2024 /Explanatory letter of profits for the first six months of 2024.



Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024



Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO

MỤC LỤC

| | <i>Trang</i> |
|---|--------------|
| Thông tin chung | 1 |
| Báo cáo của Ban Giám đốc | 2 |
| Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ | 3 - 4 |
| Bảng cân đối kế toán giữa niên độ | 5 - 6 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ | 7 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ | 8 - 9 |
| Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ | 10 - 28 |



Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO ("Công ty") được thành lập từ cổ phần hóa Nhà máy Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO - Đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc Tổng công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam (IDICO) (nay là Tổng công ty IDICO - CTCP). Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 3800407449 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 12 tháng 2 năm 2008, và lần điều chỉnh gần nhất là lần 8 ngày 17 tháng 5 năm 2024.

Cổ phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch trên thị trường UPCOM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("SGDCKHN") với mã ISH theo Quyết định số 332/QĐ-SGDHN do SGDCKHN cấp ngày 8 tháng 6 năm 2015.

Hoạt động trong kỳ của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện; khai thác, xử lý và cung cấp nước và trồng cây cao su.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Thôn 7, Xã Long Bình, Huyện Phú Riềng, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | | |
|-----------------------|------------|-------------------------------------|
| Ông Nguyễn Văn Thịnh | Chủ tịch | |
| Ông Nguyễn Quốc Việt | Thành viên | bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024 |
| Bà Trần Thùy Giang | Thành viên | |
| Ông Nguyễn Phong Danh | Thành viên | |
| Ông Mai Đình Nhật | Thành viên | |
| Ông Nguyễn Thanh Hoài | Thành viên | miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024 |

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | | |
|----------------------------|------------|-------------------------------------|
| Ông Đoàn Hữu Nghĩa | Trưởng ban | bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024 |
| Ông Nguyễn Đăng Thanh | Trưởng ban | miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024 |
| Ông Vũ Tuấn Anh | Thành viên | |
| Ông Nguyễn Trương Tiến Đạt | Thành viên | |

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | | |
|-----------------------|--------------|-------------------------------------|
| Ông Trương Thanh Bình | Giám đốc | bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2024 |
| Ông Nguyễn Thanh Hoài | Giám đốc | miễn nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2024 |
| Ông Bùi Hải Nam | Phó Giám đốc | |

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | |
|-----------------------|------------------------------|
| Ông Trương Thanh Bình | từ ngày 15 tháng 5 năm 2024 |
| Ông Nguyễn Thanh Hoài | đến ngày 14 tháng 5 năm 2024 |

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.



Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa

niên độ.



Trương Thanh Bình
Giám đốc

Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024



Số tham chiếu: 13689358/68420119-LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO (“Công ty”) được lập ngày 14 tháng 8 năm 2024 và được trình bày từ trang 5 đến trang 28, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



EY

Building a better
working world

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác soát xét và đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính giữa niên độ đó vào ngày 10 tháng 8 năm 2023. Ngoài ra, báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được doanh nghiệp kiểm toán này kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính đó vào ngày 5 tháng 3 năm 2024.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Thị Như Quỳnh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3040-2024-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Ngày 30 tháng 6 năm 2024 | Ngày 31 tháng 12 năm 2023 |
|------------|--|-------------|--------------------------|---------------------------|
| 100 | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 92.401.630.480 | 89.308.662.226 |
| 110 | I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 4 | 43.649.975.252 | 17.646.492.150 |
| 111 | 1. Tiền | | 3.149.975.252 | 646.492.150 |
| 112 | 2. Các khoản tương đương tiền | | 40.500.000.000 | 17.000.000.000 |
| 130 | II. Các khoản phải thu ngắn hạn | | 40.813.513.289 | 63.688.945.477 |
| 131 | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 5 | 39.885.970.723 | 62.817.540.079 |
| 132 | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | | 810.924.758 | 783.559.861 |
| 136 | 3. Phải thu ngắn hạn khác | | 116.617.808 | 87.845.537 |
| 140 | III. Hàng tồn kho | 6 | 7.938.141.939 | 7.973.224.599 |
| 141 | 1. Hàng tồn kho | | 7.938.141.939 | 7.973.224.599 |
| 200 | B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 559.919.560.771 | 578.573.222.220 |
| 220 | I. Tài sản cố định | | 391.257.780.519 | 407.329.813.178 |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | 7 | 388.972.179.098 | 404.965.765.399 |
| 222 | Nguyên giá | | 1.085.807.715.737 | 1.085.807.715.737 |
| 223 | Giá trị khấu hao lũy kế | | (696.835.536.639) | (680.841.950.338) |
| 227 | 2. Tài sản cố định vô hình | 8 | 2.285.601.421 | 2.364.047.779 |
| 228 | Nguyên giá | | 4.941.214.087 | 4.941.214.087 |
| 229 | Giá trị hao mòn lũy kế | | (2.655.612.666) | (2.577.166.308) |
| 240 | II. Tài sản dở dang dài hạn | | 855.909.091 | 855.909.091 |
| 242 | 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | | 855.909.091 | 855.909.091 |
| 260 | III. Tài sản dài hạn khác | | 167.805.871.161 | 170.387.499.951 |
| 261 | 1. Chi phí trả trước dài hạn | 9 | 167.805.871.161 | 170.387.499.951 |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 652.321.191.251 | 667.881.884.446 |



Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO

B01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | Ngày 30 tháng 6 năm 2024 | Ngày 31 tháng 12 năm 2023 |
|------------|--|-------------|--------------------------|---------------------------|
| 300 | C. NỢ PHẢI TRẢ | | 68.357.181.730 | 56.079.156.656 |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | | 68.357.181.730 | 56.079.156.656 |
| 311 | 1. Phải trả người bán ngắn hạn | | 136.794.306 | 157.656.546 |
| 313 | 2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 10 | 7.110.285.489 | 12.239.392.155 |
| 314 | 3. Phải trả người lao động | | 634.000.000 | 1.472.000.000 |
| 319 | 4. Phải trả ngắn hạn khác | 11 | 49.558.010.444 | 6.056.915.816 |
| 320 | 5. Vay ngắn hạn | 13 | 9.764.596.597 | 31.150.604.466 |
| 321 | 6. Dự phòng phải trả ngắn hạn | | - | 4.200.000.000 |
| 322 | 7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 12 | 1.153.494.894 | 802.587.673 |
| 400 | D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 583.964.009.521 | 611.802.727.790 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | 14.1 | 583.964.009.521 | 611.802.727.790 |
| 411 | 1. Vốn cổ phần | | 450.000.000.000 | 450.000.000.000 |
| 411a | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | | 450.000.000.000 | 450.000.000.000 |
| 421 | 2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | 133.964.009.521 | 161.802.727.790 |
| 421a | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | | 114.303.727.790 | 68.723.927.225 |
| 421b | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | | 19.660.281.731 | 93.078.800.565 |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 652.321.191.251 | 667.881.884.446 |



Trần Thị Mai
Người lập

Vũ Thị Thúy
Kế toán trưởng



Trương Thanh Bình
Giám đốc

Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 | Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 |
|-------|---|-------------|--|--|
| 10 | 1. Doanh thu thuần về bán hàng | 15.1 | 67.177.979.288 | 92.698.605.902 |
| 11 | 2. Giá vốn hàng bán | 16 | (37.517.250.006) | (41.227.463.630) |
| 20 | 3. Lợi nhuận gộp về bán hàng | | 29.660.729.282 | 51.471.142.272 |
| 21 | 4. Doanh thu hoạt động tài chính | 15.2 | 562.723.031 | 180.939.351 |
| 22 | 5. Chi phí tài chính | 17 | (600.771.875) | (979.786.367) |
| 23 | Trong đó: Chi phí lãi vay | | (600.771.875) | (979.786.367) |
| 26 | 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 18 | (6.032.746.840) | (5.782.028.809) |
| 30 | 7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | 23.589.933.598 | 44.890.266.447 |
| 31 | 8. Thu nhập khác | | 13.001.511 | 2.460 |
| 32 | 9. Chi phí khác | | - | (11.114.000) |
| 40 | 10. Lợi nhuận (lỗ) khác | | 13.001.511 | (11.111.540) |
| 50 | 11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 23.602.935.109 | 44.879.154.907 |
| 51 | 12. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 20.1 | (3.942.653.378) | (8.153.595.758) |
| 60 | 13. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN | | 19.660.281.731 | 36.725.559.149 |
| 70 | 14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) | 14.5 | 437 | 788 |
| 71 | 15. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) | 14.5 | 437 | 788 |

Trần Thị Mai
Người lập

Vũ Thị Thúy
Kế toán trưởng

Trương Thanh Bình
Giám đốc

Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 | Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (Trình bày lại - Thuyết minh số 23) |
|-----------|--|-------------|--|---|
| 01 | I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 23.602.935.109 | 44.879.154.907 |
| | <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i> | | | |
| 02 | Khấu hao và hao mòn | 7, 8 | 16.072.032.659 | 16.043.826.423 |
| 03 | Các khoản dự phòng | | (4.200.000.000) | (4.308.223.795) |
| 05 | Lãi từ hoạt động đầu tư | | (562.723.031) | (180.939.351) |
| 06 | Chi phí lãi vay | 17 | 600.771.875 | 979.786.367 |
| 08 | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | | 35.513.016.612 | 57.413.604.551 |
| 09 | Giảm (tăng) các khoản phải thu | | 22.904.204.459 | (995.849.498) |
| 10 | Giảm hàng tồn kho | | 35.082.660 | 347.881.448 |
| 11 | Giảm các khoản phải trả | | (1.340.734.442) | (1.398.485.511) |
| 12 | Giảm chi phí trả trước | | 2.581.628.790 | 2.581.628.790 |
| 14 | Tiền lãi vay đã trả | | (620.569.666) | (979.638.423) |
| 15 | Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 10 | (9.954.995.423) | (23.360.239.314) |
| 17 | Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 12 | (2.148.092.779) | (1.646.990.000) |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | | 46.969.540.211 | 31.961.912.043 |
| | II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 21 | Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định | | - | (108.054.000) |
| 27 | Tiền thu từ lãi tiền gửi | | 533.950.760 | 180.939.351 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | | 533.950.760 | 72.885.351 |



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 | Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 |
|-------|---|-------------|--|--|
| | III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 33 | Tiền vay nhận được | 13 | 17.708.454.710 | 29.975.804.380 |
| 34 | Tiền chi trả nợ gốc vay | 13 | (39.094.462.579) | (37.913.536.096) |
| 36 | Cổ tức đã trả | 14.4 | (114.000.000) | (28.412.581.600) |
| 40 | Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính | | (21.500.007.869) | (36.350.313.316) |
| 50 | Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ | | 26.003.483.102 | (4.315.515.922) |
| 60 | Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ | | 17.646.492.150 | 12.492.909.888 |
| 70 | Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ | 4 | 43.649.975.252 | 8.177.393.966 |

Trần Thị Mai
Người lập

Vũ Thị Thúy
Kế toán trưởng



Trương Thanh Bình
Giám đốc



Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO ("Công ty") được thành lập từ cổ phần hóa Nhà máy Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO - Đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc Tổng công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam (IDICO) (nay là Tổng công ty IDICO - CTCP). Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 3800407449 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 12 tháng 2 năm 2008, và lần điều chỉnh gần nhất là lần 8 ngày 17 tháng 5 năm 2024.

Cổ phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch trên thị trường UPCOM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("SGDCKHN") với mã ISH theo Quyết định số 332/QĐ-SGDHN do SGDCKHN cấp ngày 8 tháng 6 năm 2015.

Hoạt động trong kỳ của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện; khai thác, xử lý và cung cấp nước và trồng cây cao su.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Thôn 7, Xã Long Bình, Huyện Phú Riềng, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 63 (31 tháng 12 năm 2023 là: 64).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Các Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế: chi phí mua theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, bao gồm giá trị của quyền sử dụng đất đã được Công ty mua hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của các quyền sử dụng đất được đánh giá theo thời hạn sử dụng của các quyền sử dụng đất. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn là quyền sử dụng đất đã thuê và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo thời hạn thuê, còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được phân bổ.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

| | |
|--------------------------|-------------|
| Nhà cửa và vật kiến trúc | 10 - 50 năm |
| Máy móc và thiết bị | 6 - 25 năm |
| Phương tiện vận tải | 3 - 10 năm |
| Thiết bị văn phòng | 3 - 6 năm |
| Vườn cây cao su | 20 năm |
| Quyền sử dụng đất | 50 năm |
| Khác | 20 năm |

3.7 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào hoạt động.

380
 C
 TH
 10K
 5M

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước là các chi phí bỏ ra để có quyền sử dụng đất lòng hồ theo Quyết định giao đất của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Phước cho Công ty quản lý không thu tiền sử dụng đất với thời hạn phân bổ đến năm 2057.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các khoản dự phòng

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, thực hiện chế độ phúc lợi cho người lao động và phúc lợi xã hội, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên và hoàn tất các thủ tục pháp lý. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng ngay sau khi sản lượng điện sản xuất phát lên lưới điện quốc gia có xác nhận của Công ty Mua bán điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Doanh thu bán nước sạch

Doanh thu bán nước sạch được xác định dựa trên đơn giá tiền nước được thỏa thuận trong hợp đồng và theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Phước, cùng khối lượng nước tiêu thụ hàng tháng.

Doanh thu khác

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu; trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.16 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.17 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện. Ngoài ra, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý, và theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | VND | |
|--------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| | Ngày 30 tháng 6 năm 2024 | Ngày 31 tháng 12 năm 2023 |
| Tiền mặt | 54.712.000 | 97.340.000 |
| Tiền gửi ngân hàng | 3.095.263.252 | 549.152.150 |
| Các khoản tương đương tiền (*) | 40.500.000.000 | 17.000.000.000 |
| TỔNG CỘNG | <u>43.649.975.252</u> | <u>17.646.492.150</u> |

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất thị trường.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

| | VND | |
|----------------------|------------------------------|------------------------------|
| | Ngày 30 tháng 6 năm 2024 | Ngày 31 tháng 12 năm 2023 |
| Công ty Mua bán điện | 39.170.208.363 | 61.887.619.972 |
| Khác | 715.762.360 | 929.920.107 |
| TỔNG CỘNG | <u>39.885.970.723</u> | <u>62.817.540.079</u> |

6. HÀNG TỒN KHO

| | VND | |
|------------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
| | Ngày 30 tháng 6 năm 2024 | Ngày 31 tháng 12 năm 2023 |
| Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế | <u>7.938.141.939</u> | <u>7.973.224.599</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | VND | | | | | |
|--|-----------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------|-------------------|
| | Nhà cửa và vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải | Thiết bị văn phòng | Cây lâu năm | Tổng cộng |
| Nguyên giá | | | | | | |
| Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và vào 30 tháng 6 năm 2024 | 602.508.846.988 | 470.315.997.534 | 5.113.534.871 | 1.036.598.651 | 6.832.737.693 | 1.085.807.715.737 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| <i>Đã khấu hao hết</i> | 5.261.892.647 | 99.220.993.572 | 4.709.111.371 | 559.805.818 | - | 109.751.803.408 |
| Giá trị khấu hao lũy kế | | | | | | |
| Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 | (276.324.643.195) | (396.569.760.176) | (4.917.903.441) | (829.081.158) | (2.200.562.368) | (680.841.950.338) |
| Khấu hao trong kỳ | (8.279.109.248) | (7.455.937.779) | (32.737.674) | (47.679.288) | (178.122.312) | (15.993.586.301) |
| Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 | (284.603.752.443) | (404.025.697.955) | (4.950.641.115) | (876.760.446) | (2.378.684.680) | (696.835.536.639) |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 | 326.184.203.793 | 73.746.237.358 | 195.631.430 | 207.517.493 | 4.632.175.325 | 404.965.765.399 |
| Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 | 317.905.094.545 | 66.290.299.579 | 162.893.756 | 159.838.205 | 4.454.053.013 | 388.972.179.098 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| <i>Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 13)</i> | 4.321.257.699 | 49.693.219.470 | - | - | - | 54.014.477.169 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

| | | | VND |
|---------------------------------|--------------------------|------------------------|------------------------|
| | <i>Quyền sử dụng đất</i> | <i>Khác</i> | <i>Tổng cộng</i> |
| Nguyên giá | | | |
| Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 | | | |
| và vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 | <u>3.005.563.951</u> | <u>1.935.650.136</u> | <u>4.941.214.087</u> |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | |
| Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 | (907.663.828) | (1.669.502.480) | (2.577.166.308) |
| Hao mòn trong kỳ | <u>(30.055.878)</u> | <u>(48.390.480)</u> | <u>(78.446.358)</u> |
| Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 | <u>(937.719.706)</u> | <u>(1.717.892.960)</u> | <u>(2.655.612.666)</u> |
| Giá trị còn lại | | | |
| Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 | <u>2.097.900.123</u> | <u>266.147.656</u> | <u>2.364.047.779</u> |
| Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 | <u>2.067.844.245</u> | <u>217.757.176</u> | <u>2.285.601.421</u> |

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

| | VND | |
|--------------------------------------|---------------------------------|----------------------------------|
| | <i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i> | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i> |
| Quyền sử dụng đất lòng hồ, đường dây | <u>167.805.871.161</u> | <u>170.387.499.951</u> |

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | VND | | | |
|--|----------------------------------|-----------------------|-------------------------|---------------------------------|
| | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i> | <i>Tăng trong kỳ</i> | <i>Giảm trong kỳ</i> | <i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i> |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 9.854.995.423 | 3.942.653.378 | (9.954.995.423) | 3.842.653.378 |
| Thuế tài nguyên | 1.138.439.215 | 6.466.595.683 | (5.760.713.197) | 1.844.321.701 |
| Thuế giá trị gia tăng | 1.071.870.763 | 4.734.284.220 | (4.416.583.354) | 1.389.571.629 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 174.086.754 | 589.983.093 | (753.416.356) | 10.653.491 |
| Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước | - | 1.476.578.000 | (1.476.578.000) | - |
| Thuế khác | - | 61.451.409 | (38.366.119) | 23.085.290 |
| TỔNG CỘNG | <u>12.239.392.155</u> | <u>17.271.545.783</u> | <u>(22.400.652.449)</u> | <u>7.110.285.489</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

| | VND | |
|---------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| | Ngày 30 tháng 6 năm 2024 | Ngày 31 tháng 12 năm 2023 |
| Cổ tức phải trả | 47.418.988.800 | 2.532.988.800 |
| Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng | 1.495.666.308 | 2.866.348.200 |
| Tiền đền bù giải phóng mặt bằng | 636.307.071 | 630.732.760 |
| Khác | 7.048.265 | 26.846.056 |
| TỔNG CỘNG | <u>49.558.010.444</u> | <u>6.056.915.816</u> |

12. QUỸ KHEN THƯỜNG, PHÚC LỢI

| | VND | |
|----------------------|---|---|
| | Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 | Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 |
| Số đầu kỳ | 802.587.673 | 529.678.846 |
| Tăng trong kỳ | 2.499.000.000 | 3.259.000.000 |
| Sử dụng quỹ trong kỳ | <u>(2.148.092.779)</u> | <u>(1.711.324.507)</u> |
| Số cuối kỳ | <u>1.153.494.894</u> | <u>2.077.354.339</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. VAY NGẮN HẠN

| | VND | | | |
|---|---------------------------|-----------------------|-------------------------|--------------------------|
| | Ngày 31 tháng 12 năm 2023 | Vay trong kỳ | Trả nợ vay trong kỳ | Ngày 30 tháng 6 năm 2024 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước | 23.609.483.016 | 15.776.309.841 | (29.621.196.260) | 9.764.596.597 |
| Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước | 7.541.121.450 | 1.932.144.869 | (9.473.266.319) | - |
| TỔNG CỘNG | 31.150.604.466 | 17.708.454.710 | (39.094.462.579) | 9.764.596.597 |

Công ty vay ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động, chi tiết như sau:

| Ngân hàng | Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND | Ngày đáo hạn | Lãi suất %/năm | Hình thức đảm bảo |
|---|---------------------------------|---|-------------------|---|
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước | <u>9.764.596.597</u> | Từ ngày 27 tháng 8 năm 2024 đến ngày 18 tháng 10 năm 2024 | 5,2 - 5,6 | Một phần tài sản tại Nhà máy Thủy điện Srok Phu Miêng, bao gồm máy móc, thiết bị tổ máy 1, tổ máy 2 và căn trực thượng lưu (Thuyết minh số 7) |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

14.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

| | Vốn cổ phần | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Tổng cộng |
|---|------------------------|--------------------------------------|------------------------|
| VND | | | |
| Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 | | | |
| Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 450.000.000.000 | 125.982.927.225 | 575.982.927.225 |
| Lợi nhuận thuần trong kỳ | - | 36.725.559.149 | 36.725.559.149 |
| Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | (2.259.000.000) | (2.259.000.000) |
| Trích quỹ thưởng Ban quản lý điều hành | - | (1.000.000.000) | (1.000.000.000) |
| Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 | <u>450.000.000.000</u> | <u>159.449.486.374</u> | <u>609.449.486.374</u> |

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

| | | | |
|--|------------------------|------------------------|------------------------|
| Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 | 450.000.000.000 | 161.802.727.790 | 611.802.727.790 |
| Lợi nhuận thuần trong kỳ | - | 19.660.281.731 | 19.660.281.731 |
| Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) | - | (1.860.000.000) | (1.860.000.000) |
| Trích quỹ thưởng Ban quản lý điều hành (*) | - | (639.000.000) | (639.000.000) |
| Cổ tức công bố (**) | - | (45.000.000.000) | (45.000.000.000) |
| Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 | <u>450.000.000.000</u> | <u>133.964.009.521</u> | <u>583.964.009.521</u> |

(*) Theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông (“ĐHĐCĐ”) Thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024, các cổ đông của Công ty đã thông qua mức trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban quản lý điều hành với số tiền lần lượt là 1.860.000.000 VND và 639.000.000 VND.

(**) Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 08/NQ-HĐQT ngày 13 tháng 6 năm 2024, Hội đồng Quản trị đã thông qua kế hoạch chi trả cổ tức đợt một năm 2023 bằng tiền cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 10% mệnh giá cổ phiếu. Vào ngày của báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty đã hoàn tất việc chi trả cổ tức.

14.2 Chi tiết vốn cổ phần

| | Ngày 30 tháng 6 năm 2024 | | Ngày 31 tháng 12 năm 2023 | |
|-----------------------------|-------------------------------------|------------------------|-------------------------------------|------------------------|
| | Cổ phiếu phổ thông (Cổ phiếu) | Tỷ lệ sở hữu (%) | Cổ phiếu phổ thông (Cổ phiếu) | Tỷ lệ sở hữu (%) |
| Tổng Công ty IDICO - CTCP | 23.299.000 | 51,78 | 23.299.000 | 51,78 |
| Công ty TNHH Năng lượng REE | 15.433.893 | 34,30 | 15.433.893 | 34,30 |
| Các cổ đông khác | 6.267.107 | 13,92 | 6.267.107 | 13,92 |
| TỔNG CỘNG | <u>45.000.000</u> | <u>100</u> | <u>45.000.000</u> | <u>100</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

14.3 Cổ phiếu

| | Ngày 30 tháng 6 năm 2024 | Ngày 31 tháng 12 năm 2023 |
|----------------------------|-----------------------------|------------------------------|
| | Số lượng | Số lượng |
| Cổ phiếu đăng ký phát hành | 45.000.000 | 45.000.000 |
| Cổ phiếu đã phát hành | 45.000.000 | 45.000.000 |
| Cổ phiếu phổ thông | 45.000.000 | 45.000.000 |
| Cổ phiếu đang lưu hành | 45.000.000 | 45.000.000 |
| Cổ phiếu phổ thông | 45.000.000 | 45.000.000 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

14.4 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

| | Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 | VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 |
|-------------------------|---|--|
| Vốn cổ phần | | |
| Số đầu kỳ và số cuối kỳ | <u>450.000.000.000</u> | <u>450.000.000.000</u> |
| Cổ tức | | |
| Cổ tức đã công bố | 45.000.000.000 | - |
| Cổ tức đã trả bằng tiền | (114.000.000) | (28.412.581.600) |

14.5 Lãi trên cổ phiếu

| | Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 | Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (trình bày lại) |
|--|---|--|
| Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND) | 19.660.281.731 | 36.725.559.149 |
| Điều chỉnh giảm do trích các quỹ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (*) | - | (1.249.500.000) |
| Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND) | 19.660.281.731 | 35.476.059.149 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quần (cổ phiếu) | 45.000.000 | 45.000.000 |
| Lãi trên cổ phiếu | | |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) | 437 | 788 |
| Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) | 437 | 788 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

14.5 Lãi trên cổ phiếu (tiếp theo)

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây trong năm 2023 để phản ánh khoản thực trích các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2023 theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

15. DOANH THU

15.1 Doanh thu thuần về bán hàng

| | VND | |
|-------------------------------------|---|---|
| | <i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i> | <i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> |
| Doanh thu bán điện | 62.510.700.270 | 87.227.258.144 |
| Doanh thu bán nước sạch | 4.464.056.291 | 5.176.137.530 |
| Doanh thu khai thác vườn cây cao su | 203.222.727 | 295.210.228 |
| TỔNG CỘNG | <u>67.177.979.288</u> | <u>92.698.605.902</u> |

15.2 Doanh thu hoạt động tài chính

| | VND | |
|------------------------|---|---|
| | <i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i> | <i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> |
| Lãi tiền gửi ngân hàng | <u>562.723.031</u> | <u>180.939.351</u> |

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

| | VND | |
|-----------------------------------|---|---|
| | <i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i> | <i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> |
| Giá vốn bán điện | 34.657.302.536 | 38.437.760.409 |
| Giá vốn bán nước sạch | 2.711.512.210 | 2.670.955.013 |
| Giá vốn khai thác vườn cây cao su | 148.435.260 | 118.748.208 |
| TỔNG CỘNG | <u>37.517.250.006</u> | <u>41.227.463.630</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | VND | |
|-----------------|---|---|
| | <i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i> | <i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> |
| Chi phí lãi vay | <u>600.771.875</u> | <u>979.786.367</u> |

18. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | VND | |
|---------------------------|---|---|
| | <i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i> | <i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> |
| Chi phí nhân viên | 4.267.327.298 | 4.059.819.627 |
| Chi phí khấu hao | 771.381.779 | 782.287.182 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 436.069.812 | 343.518.945 |
| Chi phí khác | 557.967.951 | 596.403.055 |
| TỔNG CỘNG | <u>6.032.746.840</u> | <u>5.782.028.809</u> |

19. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | VND | |
|--|---|---|
| | <i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i> | <i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> |
| Các khoản thuế, phí | 10.337.300.424 | 13.819.628.366 |
| Chi phí khấu hao (Thuyết minh số 7 và 8) | 16.072.032.659 | 16.043.826.423 |
| Chi phí nhân viên | 12.263.196.835 | 11.737.795.163 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.480.361.514 | 1.361.786.924 |
| Chi phí khác | 3.426.792.466 | 4.046.455.563 |
| TỔNG CỘNG | <u>43.579.683.898</u> | <u>47.009.492.439</u> |

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

20.1 Chi phí thuế TNDN

| | VND | |
|-----------------------------|---|---|
| | Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 | Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | <u>3.942.653.378</u> | <u>8.153.595.758</u> |

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

| | VND | |
|---|---|---|
| | Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 | Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | <u>23.602.935.109</u> | <u>44.879.154.907</u> |
| Thuế TNDN theo thuế suất 20% | 4.720.587.023 | 8.975.830.981 |
| <i>Điều chỉnh:</i> | | |
| Chênh lệch tạm thời chưa ghi nhận thuế hoãn lại | (840.000.000) | (861.644.758) |
| Chi phí không được trừ | <u>62.066.355</u> | <u>39.409.535</u> |
| Chi phí thuế TNDN | <u>3.942.653.378</u> | <u>8.153.595.758</u> |

20.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Công ty trong kỳ và tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 như sau:

| <i>Bên liên quan</i> | <i>Mối quan hệ</i> |
|-----------------------------|---|
| Tổng Công ty IDICO - CTCP | Công ty mẹ |
| Công ty TNHH Năng lượng REE | Cổ đông lớn |
| Ông Nguyễn Văn Thịnh | Chủ tịch HĐQT (từ ngày 18 tháng 4 năm 2023) |
| Ông Nguyễn Cao Nguyên | Chủ tịch HĐQT (đến ngày 18 tháng 4 năm 2023) |
| Ông Nguyễn Thanh Hoài | Thành viên HĐQT (đến ngày 24 tháng 4 năm 2024) |
| Bà Trần Thùy Giang | Thành viên HĐQT không điều hành (từ ngày 18 tháng 4 năm 2023) |
| Ông Nguyễn Quốc Việt | Thành viên HĐQT không điều hành (từ ngày 24 tháng 4 năm 2024) |
| Ông Hoàng Văn Hiến | Thành viên HĐQT không điều hành (đến ngày 18 tháng 4 năm 2023) |
| Ông Nguyễn Phong Danh | Thành viên HĐQT không điều hành |
| Ông Mai Đình Nhật | Thành viên HĐQT không điều hành |
| Ông Đoàn Hữu Nghĩa | Trưởng Ban kiểm soát (từ ngày 24 tháng 4 năm 2024) |
| Ông Nguyễn Đăng Thanh | Trưởng Ban kiểm soát (đến ngày 24 tháng 4 năm 2024) |
| Ông Vũ Tuấn Anh | Thành viên Ban kiểm soát |
| Ông Nguyễn Trương Tiến Đạt | Thành viên Ban kiểm soát |
| Ông Trương Thanh Bình | Giám đốc (từ ngày 15 tháng 5 năm 2024) |
| Ông Nguyễn Thanh Hoài | Giám đốc (đến ngày 14 tháng 5 năm 2024) |
| Ông Bùi Hải Nam | Phó Giám đốc |
| Bà Vũ Thị Thúy | Kế toán trưởng - Thư ký công ty |
| Bà Nguyễn Thùy Linh | Người công bố thông tin |

Giao dịch trọng yếu của Công ty với các công ty liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

| <i>Bên liên quan</i> | <i>Nội dung nghiệp vụ</i> | <i>VND</i> | |
|-----------------------------|---------------------------|---|---|
| | | <i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i> | <i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> |
| Tổng Công ty IDICO - CTCP | Cổ tức đã trả | - | 14.179.200.000 |
| Công ty TNHH Năng Lượng REE | Cổ tức đã trả | - | 9.867.786.000 |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

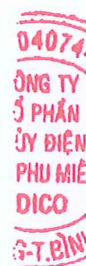
Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và các nhân viên quản lý khác:

| | <i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i> | <i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> |
|---|---|---|
| | | VND |
| Thu nhập của Hội đồng quản trị | 204.000.000 | 198.000.000 |
| Ông Nguyễn Văn Thịnh | 60.000.000 | 21.600.000 |
| Bà Trần Thùy Giang | 36.000.000 | 14.400.000 |
| Ông Nguyễn Phong Danh | 36.000.000 | 36.000.000 |
| Ông Mai Đình Nhật | 36.000.000 | 36.000.000 |
| Ông Nguyễn Thanh Hoài | 22.800.000 | 36.000.000 |
| Ông Nguyễn Quốc Việt | 13.200.000 | - |
| Ông Nguyễn Cao Nguyên | - | 32.400.000 |
| Ông Hoàng Văn Hiến | - | 21.600.000 |
| Thu nhập của Ban Kiểm soát | 78.000.000 | 78.000.000 |
| Ông Đoàn Hữu Nghĩa | 11.000.000 | - |
| Ông Vũ Tuấn Anh | 24.000.000 | 9.600.000 |
| Ông Nguyễn Trương Tiến Đạt | 24.000.000 | 24.000.000 |
| Ông Nguyễn Đăng Thanh | 19.000.000 | 30.000.000 |
| Ông Bùi Tiến Dũng | - | 14.400.000 |
| Thu nhập của Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và người công bố thông tin | 1.245.454.545 | 1.262.272.712 |
| Ông Trương Thanh Bình | 107.500.000 | - |
| Ông Bùi Hải Nam | 320.454.544 | 327.272.728 |
| Bà Vũ Thị Thúy | 312.409.092 | 314.454.546 |
| Ông Nguyễn Thanh Hoài | 300.000.001 | 400.909.088 |
| Bà Nguyễn Thùy Linh | 205.090.908 | 219.636.350 |
| TỔNG CỘNG | 1.527.454.545 | 1.538.272.712 |

22. TRÌNH BÀY LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Công ty đã thực hiện điều chỉnh lại một số số liệu tương ứng trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023, cụ thể như sau:

| | VND | | |
|---|----------------------------|--------------------------|-------------------|
| <i>Khoản mục</i> | <i>Số trước điều chỉnh</i> | <i>Số sau điều chỉnh</i> | <i>Chênh lệch</i> |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 | | | |
| Khấu hao và hao mòn | 18.625.455.213 | 16.043.826.423 | 2.581.628.790 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 59.995.233.341 | 57.413.604.551 | 2.581.628.790 |
| Giảm chi phí trả trước | - | 2.581.628.790 | (2.581.628.790) |
| Giảm các khoản phải trả | (3.357.762.357) | (1.398.485.511) | (1.959.276.846) |
| Tiền lãi vay đã trả | 979.638.423 | (979.638.423) | 1.959.276.846 |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê dự kiến phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

| | VND | |
|------------------|-----------------------------|------------------------------|
| | Ngày 30 tháng 6 năm 2024 | Ngày 31 tháng 12 năm 2023 |
| Dưới 1 năm | 58.451.409 | 58.451.409 |
| Từ 1 đến 5 năm | 292.257.045 | 292.257.045 |
| Trên 5 năm | 1.563.575.191 | 1.592.800.895 |
| TỔNG CỘNG | <u>1.914.283.645</u> | <u>1.943.509.349</u> |



24. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

Trần Thị Mai
Người lập

Vũ Thị Thúy
Kế toán trưởng



Trương Thanh Bình
Giám đốc



Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN SROK PHU MIÊNG IDICO**

Số: 213 /CT-TCKT

V/v Giải trình về lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 14 tháng 8 năm 2024

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Trước tiên, Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO xin trân trọng cảm ơn sự quan tâm, hợp tác của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội đối với đơn vị trong thời gian qua.

Theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020, Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO (IDICO-SHP) giải trình về việc kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2024 của Công ty và lợi nhuận sau thuế TNDN 6 tháng đầu năm 2024 giảm trên 10% so với 6 tháng đầu năm 2023, cụ thể như sau:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp 6 tháng đầu năm 2024 của Công ty là 19.660 triệu đồng, giảm 17.065 triệu đồng, tương ứng giảm 46% so với 6 tháng đầu năm 2023, nguyên nhân là do:

- Trong 6 tháng đầu năm 2024 lưu lượng nước về hồ chứa thủy điện Srok Phu Miêng thấp hơn so với cùng kỳ năm trước, vì vậy sản lượng và doanh thu điện của Công ty thấp hơn so với 6 tháng đầu năm 2023 (sản lượng là 64 triệu kWh, giảm 23% so với cùng kỳ; doanh thu điện là 62.511 triệu đồng, giảm 24.716 triệu đồng, tương ứng giảm 28% so với cùng kỳ);

- Doanh thu của đơn vị phần lớn thu về từ hoạt động sản xuất kinh doanh điện nên ảnh hưởng của tình hình thời tiết đối với hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng cũng là ảnh hưởng lớn nhất đối với hoạt động sản xuất kinh doanh chung của đơn vị.

Trên đây là giải trình của IDICO-SHP.

Trân trọng./.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Website Công ty;
- Lưu VP, TCKT.



Trương Thanh Bình